

Bản án số: 110/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 2 - 2025

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 2 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 863/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 1 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy N, sinh năm 1978

Địa chỉ hộ khẩu: Khu phố C, Phường C thị xã K, Tỉnh Long An

Địa chỉ tạm trú: Số D Đường số C, Khu phố F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bị Đơn: Ông Nguyễn Chí N1, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số B đường P, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(đương sự vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2024 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thùy N và ông Nguyễn Chí N1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Long An (theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 14/KH, quyển số 01/2006, ngày 28/3/2006). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó mâu thuẫn phát sinh vì đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và tính tình khiến cho đời sống hôn nhân luôn luôn căng thẳng, ngột ngạt và sau đó mất liên lạc đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay, nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Thùy N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Chí N1.

Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy N xác định vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hồng N2, sinh ngày 03/09/2002 (đã thành niên). Ngoài ra, vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác,

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy N tự xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Chí N1 đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Chí N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ông Nguyễn Chí N1 đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đồng thời, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Thùy N và ông Nguyễn Chí N1.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy N thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn ông Nguyễn Chí N1 cư trú tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét thấy, bà Nguyễn Thị Thùy N và ông Nguyễn Chí N1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy N xin được ly hôn với ông Nguyễn Chí N1 do đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và tính tình khiến cho đời sống hôn nhân luôn luôn căng thẳng, ngột ngạt và đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Chí N1 đến Tòa để làm rõ tình trạng hôn nhân và tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải, đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông Nguyễn Chí N1 vắng mặt và ông cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện ông Nguyễn Chí N1 không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng trong một thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy N là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy N xác định vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hồng N2, sinh ngày 03/09/2002 (đã thành niên). Ngoài ra, vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác,

[3.4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thùy N xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nào nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy N.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy N được ly hôn ông Nguyễn Chí N1. Giấy chứng nhận kết hôn số 14/KH, quyển số 01/2006, ngày 28/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Long An không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy N xác định vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hồng N2, sinh ngày 03/09/2002 (đã thành niên). Ngoài ra, vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nào nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Thùy N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai BLTU/23P thu số 0030708 ngày 08 tháng 11 năm 2024 của C thi hành án dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thùy N đã thi hành xong phần án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Tiến